

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 92/2025/DS-PT

Ngày: 13 - 5 - 2025

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hà.

Các Thẩm phán: Ông Võ Công Phương

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thuý Trường - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:**
Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thái T, sinh năm: 1977; cư trú tại: Xóm A, thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. (Có mặt).

- **Bị đơn:**

1. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1965 (Có mặt).

2. Ông Tạ Đức T1, sinh năm: 1962 (Có mặt).

Đồng cư trú tại: Số D N, khu phố D, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Đoàn Thanh S, sinh năm 1993; cư trú tại: Thôn H, Q, Q, Quảng Nam (Văn bản uỷ quyền ngày 22/4/2025). (Có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Như T2, sinh năm: 1971; cư trú tại: Xóm A, thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. (Có mặt).

2. Ủy ban nhân dân xã Nhơn Tân

Địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã A, Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huỳnh N, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N. (Vắng mặt).

Do có kháng cáo của bị đơn ông Tạ Đức T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thái T trình bày: Bà và ông Nguyễn Như T2 là vợ chồng. Bà Huỳnh Thị L và ông Tạ Đức T1 là vợ chồng. Thửa đất số 720, tờ bản đồ số 6 tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02174/QSĐĐ/I15 ngày 13/02/2007 cấp cho Nguyễn Như T2 và Nguyễn Thị Thái T (sau đây gọi là thửa đất số 720). Thửa đất có tứ cận: Phía Bắc giáp tim đường Quốc lộ 19, phía Đông giáp thửa đất số 408B, phía Nam và phía Tây giáp thửa đất số 408A. Diện tích của thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $162m^2$ (trong đó $100m^2$ đất ở và $62m^2$ đất trồng cây lâu năm khác). Ngày 28/4/2023, Nhà nước thu hồi $21,4m^2$ đất trồng cây lâu năm khác nên diện tích của thửa đất số 720 còn lại sau khi bị thu hồi là $140,6m^2$ (trong đó $100m^2$ đất ở và $40,6m^2$ đất trồng cây lâu năm khác).

Thửa đất số 408B, tờ bản đồ số 6 tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01732/QSĐĐ/I15 ngày 31/10/2005 cấp cho Tạ Đức T1 và Huỳnh Thị L.

Quá trình sử dụng đất, ông T1 và bà L đã lấn chiếm thửa đất số 720 với tổng diện tích theo Sơ đồ hiện trạng nhà và đất lập ngày 25/7/2024 là $69,3m^2$. Bà yêu cầu ông T1 và bà L phải trả lại $69,3m^2$ để vợ chồng bà sử dụng. Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Huỳnh Thị L và ông Tạ Đức T1 thống nhất trình bày: Thửa đất số 408B, tờ bản đồ số 6 tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01732/QSĐĐ/I15 ngày 31/10/2005 cấp cho Tạ Đức T1 và Huỳnh Thị L (sau đây gọi là thửa đất số 408B). Thửa đất số 720, tờ bản đồ số 6 tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02174/QSĐĐ/I15 ngày 13/02/2007 cấp cho Nguyễn Như T2 và Nguyễn Thị Thái T (sau đây gọi là thửa đất số 720).

Nguồn gốc của thửa đất số 408B và thửa đất số 720 là do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 408B thì vợ chồng bà T, ông T2 chưa nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó Sơ đồ thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 01732/QSĐĐ/I15 không thể hiện vị trí tiếp giáp giữa thửa đất số 408B và thửa đất số 720. Thửa đất số 408B có tứ cận: phía Bắc giáp Quốc lộ A, phía Nam giáp Cụm C, phía Đông giáp đất của chủ sử dụng đất ông Lưu

Thanh T3 thuộc thửa đất số 409, phía Tây giáp thửa đất số 720 và Cụm C (thửa đất số 408A hiện nay là đất của Cụm C).

Bà T cho rằng quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông bà đã lấn chiếm thửa đất số 720 với tổng diện tích theo Sơ đồ hiện trạng nhà và đất lập ngày 29/3/2024 là 69,3m² thì ông bà không đồng ý. Ông bà không lấn chiếm đất của vợ chồng bà T, ông T2. Ông bà yêu cầu Tòa án xác định lại ranh giới giữa hai thửa đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Theo Sơ đồ hiện trạng nhà và đất lập ngày 25/7/2024, ông bà xác định ranh giới phía Nam của thửa đất tăng thêm 94,2m². Tại phiên tòa sơ thẩm, ông bà tự nguyện xác định phần diện tích 94,2m² này thuộc thửa đất số 410, tờ bản đồ số 6. Ngoài việc tranh chấp quyền sử dụng đất với vợ chồng bà T, ông T2 thì ông bà không tranh chấp quyền sử dụng đất với các chủ sử dụng đất liền kề khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Như T2 trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Thái T. Ông thống nhất toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thái T. Ngoài ra ông không có ý kiến hoặc yêu cầu nào khác.

Theo Công văn số 122/UBND ngày 13 tháng 11 năm 2024, Ủy ban nhân dân xã N trình bày:

Theo Trích đo địa chính thửa đất lập ngày 29/3/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thái T và bị đơn bà Huỳnh Thị L đã xác định quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 720, tờ bản đồ số 6 và thửa đất số 408B, tờ bản đồ số 6 tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định chồng lấn lên đất giao thông (Quốc lộ A) trên địa bàn xã N do Ủy ban nhân dân xã N quản lý. Đối chiếu với các Hồ sơ kỹ thuật, tính từ tìm đường Quốc lộ 19 về hướng Nam 11,8 mét, thửa đất số 408B lấn chiếm đất giao thông có diện tích 29,8m²; tính từ tìm đường Quốc lộ 19 về hướng Nam 12,4 mét, thửa đất số 720 lấn chiếm đất giao thông có diện tích 18,1m² (bao gồm diện tích đất các bên tranh chấp là 2,7m²). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất được giao quyền sử dụng cho vợ chồng ông Tạ Đức T1, bà Huỳnh Thị L không bao gồm phần đất có diện tích 94,2m² nằm ở phía Nam của thửa đất số 408B. Phần diện tích 94,2m² này thuộc thửa đất số 410, tờ bản đồ số 6.

Ủy ban nhân dân xã N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã A quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thái T.
2. Xác định phần đất các bên đang tranh chấp có diện tích 66,6 m² thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Thái T và ông Nguyễn Như T2.
3. Giao cho bà Nguyễn Thị Thái T và ông Nguyễn Như T2 sử dụng phần đất có ký hiệu A, diện tích 131,4 m² (trong đó 100 m² đất ở và 31,4 m² đất trồng

cây lâu năm khác) thuộc thửa đất số 720, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (có sơ đồ kèm theo). Sau khi Bản án có hiệu lực, bà Nguyễn Thị Thái T, ông Nguyễn Như T2 có quyền liên hệ với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã A để thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định.

4. Giao cho bà Huỳnh Thị L và ông Tạ Đức T1 sử dụng phần đất có ký hiệu B, diện tích 309m² (trong đó 154,5m² đất ở và 154,5m² đất trồng cây lâu năm khác) thuộc thửa đất số 408B, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (có sơ đồ kèm theo). Sau khi bản án có hiệu lực, bà Huỳnh Thị L, ông Tạ Đức T1 có quyền liên hệ với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã A để thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định.

5. Buộc ông Tạ Đức T1, bà Huỳnh Thị L trả lại phần đất có ký hiệu E, diện tích 29,8 m² loại đất công trình giao thông cho Nhà nước quản lý. Buộc ông Nguyễn Như T2, bà Nguyễn Thị Thái T trả lại phần đất có ký hiệu D, diện tích 15,4m² (bao gồm 2,7 m² phần đất các bên tranh chấp) loại đất công trình giao thông cho Nhà nước quản lý (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; về chi phí tố tụng; về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 17/01/2025, bị đơn ông Tạ Đức T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ các chứng cứ của vụ án, đưa những người liên quan, những người làm chứng vào tham gia tố tụng và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ kháng cáo một phần bản án, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận phần đất giáp ranh giữa hai thửa đất khoảng 09m² thuộc sở hữu của bị đơn; buộc bà T phải trả cho vợ chồng bị đơn phần đất là khoảng cách giữa móng nhà bà T với tường rào nhà ông T1 bà L, diện tích khoảng 09m² (rộng khoảng 05 mét, dài khoảng 10m).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Tạ Đức T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ, qua thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Tạ Đức T1 có đơn kháng cáo. Nội dung đơn kháng cáo của ông phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. *Nội dung vụ án*: Bà Nguyễn Thị Thái T và ông Nguyễn Như T2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02174/QSDĐ/I15 ngày 13/02/2007 đối với thửa đất số 720, tờ bản đồ số 6 tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Thửa đất có tứ cận: Phía Bắc giáp tim đường Quốc lộ 19, phía Đông giáp thửa đất số 408B, phía Nam và phía Tây giáp thửa đất số 408A. Diện tích của thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 162m² (trong đó 100m² đất ở và 62m² đất trồng cây lâu năm khác). Ngày 28/4/2023, Nhà nước thu hồi 21,4m² đất trồng cây lâu năm khác nên diện tích của thửa đất số 720 còn lại sau khi bị thu hồi là 140,6m² (trong đó 100m² đất ở và 40,6m² đất trồng cây lâu năm khác).

Bà T cho rằng quá trình sử dụng đất, ông Tạ Đức T1 và bà Huỳnh Thị L là chủ sử dụng thửa đất số 408B, tờ bản đồ số 6 đã lấn chiếm thửa đất số 720 với tổng diện tích theo Sơ đồ hiện trạng nhà và đất lập ngày 25/7/2024 là 69,3m². Bà yêu cầu ông T1 và bà L phải trả lại 69,3m² để vợ chồng bà sử dụng.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Tạ Đức T1, HĐXX thấy rằng:

[3.1]. Thửa đất số 720, tờ bản đồ số 6 có diện tích theo giấy chứng nhận là 140,6m² (100m² đất ở và 40,6m² đất trồng cây lâu năm khác), ranh giới phía Đông của thửa đất giáp với thửa đất số 408B, tờ bản đồ số 6 (có diện tích theo giấy chứng nhận là 282m²: 200m² đất ở và 82m² đất trồng cây lâu năm khác). Theo kết quả đo đạc ngày 25/7/2024, thửa đất 720 có diện tích hiện trạng 146,8m² (bao gồm phần đất đang tranh chấp) và thửa đất 408B có diện tích thực trạng (không bao gồm phần đất đang tranh chấp) là 433m².

Căn cứ các Hồ sơ kỹ thuật do Ủy ban nhân dân xã N cung cấp và tại Công văn số 122/UBND ngày 13/11/2024 của Ủy ban nhân dân xã N, xác định tính từ tim đường Quốc lộ 19 về hướng Nam 11,8m, ông T1, bà L là chủ sử dụng thửa đất số 408B đã lấn chiếm đất giao thông có diện tích 29,8m² và sử dụng chông lấn qua thửa đất số 410, tờ bản đồ số 6 diện tích 94,2 m²; tính từ tim đường Quốc lộ 19 về hướng Nam 12,4 m, ông T2, bà T là chủ sử dụng thửa đất số 720 đã lấn chiếm đất giao thông có diện tích 18,1m² (bao gồm diện tích đất các bên tranh chấp là 2,7m²).

[3.2] Căn cứ vào kết quả đo đạc và Công văn số 122/UBND ngày 13/11/2024 của Ủy ban nhân dân xã N: Thửa đất số 702, tờ bản đồ số 6 có diện tích hiện trạng 148,6m² (bao gồm 69,3m² đất đang tranh chấp), trừ đi diện tích đất lấn chiếm giao thông là 18,1m², còn lại 128,7m² so với diện tích giấy chứng nhận 140,6m² là ít hơn 11,9m². Thửa đất 408B, tờ bản đồ số 6 có diện tích hiện trạng 433m² (không bao gồm diện tích đất tranh chấp), trừ đi diện tích đất lấn chiếm giao thông là 29,8m² và 94,2m² đất chông lấn qua thửa đất số 410, tờ bản đồ số 6, còn lại 309m² so với diện tích giấy chứng nhận 282m² là tăng 27m².

Phần diện tích đất mà các bên đang tranh chấp theo kết quả đo đạc hiện trạng là 69,3 m² bao gồm 2,7m² lấn chiếm đất giao thông.

[3.3] Đối chiếu vào Sơ đồ hiện trạng nhà và đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T2, bà T và ranh giới của thửa đất số 720 theo sự xác

định của bà T thì hình thể của thửa đất số 720 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và theo sự xác định của bà T là có sự tương đồng. Đối chiếu vào sơ đồ hiện trạng nhà và đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T1, bà L và ranh giới của thửa đất số 408B theo sự xác định của ông T1, bà L thì hình thể của thửa đất số 408B theo sự xác định của ông T1, bà L và hình thể của thửa đất số 408B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không tương đồng.

Do đó, có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp là 66,6 m² (69,3m²-2,7m²) thuộc quyền sử dụng của bà T, ông T2.

[3.4] Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận phần đất giáp ranh giữa hai thửa đất khoảng 09m² thuộc sở hữu của bị đơn; buộc bà T phải trả cho vợ chồng bị đơn phần đất là khoảng cách giữa móng nhà bà T với tường rào nhà ông T1 bà L, diện tích khoảng 09m² (rộng khoảng 0,5m, dài khoảng 16m), Hội đồng xét xử thấy rằng: Thực tế, phần móng nhà của bà T và tường rào nhà ông T1 bà L là sát nhau, không có khoảng cách. Mặt khác, theo kết quả đo đạc thực tế thì diện tích đất nhà bà T (bao gồm phần đất đang tranh chấp) vẫn ít hơn diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 11,9m²; còn diện tích đất nhà ông T1 bà L (không bao gồm phần đất đang tranh chấp) trừ đi diện tích đất lấn chiếm giao thông và đất chồng lấn qua thửa đất số 410, tờ bản đồ số 6 vẫn tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 27m². Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[3.5] Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà T, ông T2 được quyền sử dụng thửa đất số 720 có diện tích 131,4 m² (bao gồm phần đất các bên tranh chấp là 66,6m²), trong đó 146,8 m² là diện tích theo hiện trạng, 15,4m² là diện tích đất lấn đất giao thông (bao gồm 2,7m² đất lấn đất giao thông) là chưa phù hợp tại Công văn số 122/UBND ngày 13/11/2024 của Ủy ban nhân dân xã N "...ông T2, bà T là chủ sử dụng thửa đất số 720 đã lấn chiếm đất giao thông có diện tích 18,1m², bao gồm diện tích đất các bên tranh chấp là 2,7m²". Như vậy, bà T, ông T2 được quyền sử dụng thửa đất số 720 có diện tích 128,7m² (bao gồm phần đất các bên tranh chấp là 66,6m²). Trong đó 146,8 m² là diện tích theo hiện trạng, 18,1 m² là diện tích đất lấn đất giao thông.

[4]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Tạ Đức T1.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội thì ông Tạ Đức T1 là người cao tuổi nên được miễn.

[7]. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Khoản 21 Điều 3 và điểm k khoản 1 Điều 133 Luật Đất đai;
- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Tạ Đức T1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thái T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Xác định phần đất các bên đang tranh chấp có diện tích 66,6 m² thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Thái T và ông Nguyễn Như T2.

- Giao cho bà Nguyễn Thị Thái T và ông Nguyễn Như T2 sử dụng phần đất có ký hiệu A, diện tích 128,7 (trong đó 100 m² đất ở và 28,7 m² đất trồng cây lâu năm khác) thuộc thửa đất số 720, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (có sơ đồ kèm theo). Sau khi Bản án có hiệu lực, bà Nguyễn Thị Thái T, ông Nguyễn Như T2 có quyền liên hệ với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã A để thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tạ Đức T1 được miễn.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Hà